TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HS-ST
Ngày 20-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Tìm và ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Nhà văn hóa khu dân cư A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 18/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2019/HSST-QĐ ngày 02/8/2019, đối với bị cáo:

Đặng Văn T, sinh năm 1994; nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi ở: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Th và bà Tô Thị H;

Tiền sự: Không; tiền án: Năm 2017 phạm tội Trộm cắp tài sản, Đặng Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành xử phạt 15 tháng tù, tại bản án số: 12/2018/HS-ST ngày 14/03/2018. Ngày 28/02/2019, bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 99 ngày 09/6/2011 và số: 142 ngày 23/7/2012, Công an huyện Kim Thành xử phạt vi phạm hành chính đối với Thành về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền, bị cáo đã chấp hành xong quyết định.

Bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Kim Thành từ ngày 27/4/2019, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 03/5/2019 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Bùi Thị B, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Việt C, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 24/3/2019, Đặng Văn T đi bộ từ nhà để đi chơi. Khi đi qua cổng nhà chị Nguyễn Thị Việt C, T nhìn thấy nhà chị C mở cổng; chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius, biển số: 34B2-xxx.xx của chị C dựng ở trong sân, không có người trông giữ, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa điện. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên đem bán lấy tiền ăn tiêu. T đi vào trong sân, dắt chiếc xe mô tô trên ra ngoài đường, mở khóa điện, nổ máy xe, đi đến thị trấn P, huyện K, để tìm chỗ tiêu thụ xe. T đi loanh quanh ở khu vực thị trấn P, đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T dừng xe trước cửa hiệu cầm đồ TT thuộc phố G, thị trấn P, dùng chìa khóa xe mở cốp xe, T thấy bên trong cốp xe có 01 chiếc áo mưa loại chùm đầu; 01 chiếc ví giả da đựng số tiền 1.700.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số: 34B2-xxx.xx đều mang tên Nguyễn Thị Việt C. T lấy giấy đăng ký xe mô tô đi vào quán cầm đồ TT gặp anh Vũ Văn T, là người đang quản lý tại quán, đem cầm đồ chiếc xe mô tô trên cùng giấy đăng ký của xe cho anh T, được số tiền 3.000.000 đồng. T nói với anh T đó là xe máy của vợ T. Sau đó, T cầm số tiền 3.000.000 đồng cùng chiếc ví giả da và chiếc áo mưa ra về. Trên đường về, T lấy hết số tiền 1.700.000 đồng trong ví, còn chiếc áo mưa, chiếc ví và số giấy tờ còn lại, T đem vứt đi.

Chiều ngày 23/4/2019, Đặng Văn T đi bộ ngoài đường, mục đích xem nhà ai có tài sản để sơ hở thì trộm cắp, đem bán lấy tiền ăn tiêu. Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đi qua cổng nhà chị Bùi Thị B, T thấy nhà chị B mở cổng, chiếc xe mô tô nhãn hiệu PRETY, biển số: 34K3-2526 của chị B dựng ở sân không có người trông giữ, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện của xe. T đi vào trong sân dắt chiếc xe mô tô của chị B ra ngoài đường, mở khóa điện, nổ máy, đem đi tiêu thụ. Trên đường đi, T dừng xe và dùng tay tháo mặt nạ phía trước đầu xe và giật biển số xe vứt đi. T điều khiển xe đến cửa hàng thu mua sắt vụn của chị Nguyễn Thị S

và bán xe cho chị S. T nói với chị S đó là xe của T không đi nữa. Chị S mua chiếc xe mô tô trên với giá 510.000 đồng.

Ngày 27/4/2019, Thành đến Công an huyện Kim Thành tự thú về hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 27/4/2019 và ngày 28/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kim Thành kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu PRETY, biển số: 34K3-2526 trị giá 2.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius, biển số: 34B2-xxx.xx trị giá 8.666.000 đồng; chiếc ví giả da giá trị 45.000 đồng; chiếc áo mưa loại chùm đầu trị giá 68.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận về hành vi như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 11/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 18 tháng đến 21 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 27/4/2019. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Đặng Văn T có trách nhiệm bồi thường cho chị chị Nguyễn Thị Việt C số tiền 1.700.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả anh Vũ Văn T số tiền 3.000.000 đồng. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Đặng Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu

giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/3/2019, tại thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương, bị cáo Đặng Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius, biển số: 34B2-xxx.xx trị giá 8.666.000 đồng; bên trong cốp xe có 01 chiếc áo mưa loại chùm đầu trị giá 68.000 đồng, 01 chiếc ví giả da giá trị 45.000 đồng và số tiền 1.700.000 đồng cùng một số loại giấy tờ, của chị Nguyễn Thị Việt C. Ngày 23/4/2019, tại thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương, bị cáo T tiếp tục trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu PRETY, biển số: 34K3-2526 trị giá 2.000.000 đồng của chị Bùi Thị B. Tổng giá trị tài sản, bị cáo T chiếm đoạt là 12.479.000 đồng.

[3] Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đặng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo sợ mất tài sản trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền ăn tiêu. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp hai lần; bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên và tái phạm được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo ra tự thú về hành vi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, năm 2011 và năm 2012, đã bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

[5] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Quá trình điều tra, ngày 21/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành quản lý chiếc xe mô tô biển số: 34B2-xxx.xx cùng giấy đăng ký xe do anh T tự nguyện giao nộp, sau đó đã trả lại cho chị C. Đối với chiếc áo mưa loại chùm đầu, chiếc ví giả da, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe và thẻ ngân hàng của chị C, bị cáo T đã vứt đi, cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được. Chị C yêu cầu

bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 1.700.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì khác. Anh T yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo cầm cố xe. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị C và anh T. Đối với chiếc xe biển số: 34K3-2526 bị cáo T trộm cắp của chị B, sau đó bán cho chị S được 510.000 đồng. Theo chị S khai đã bán *(theo hình thức bán sắt vụn)*, cơ quan điều tra không thu hồi được. Chị B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự và xác định cho bị cáo số tiền 510.000 đồng có được do bán xe nên Tòa án không xét. Cơ quan điều tra quản lý một đăng ký mô tô xe máy biển số: 34K3-2526, mang tên Bùi Khắc T do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 08/7/2002, nhưng không thu hồi được chiếc xe nên tiếp tục quản lý và lưu trong hồ sơ vụ án.

[8] Trong vụ án này, anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị S, khi mua và nhận cầm đồ xe máy do bị cáo T trộm cắp mà có. Anh T và chị S không biết đó là tài sản do bị cáo T phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra -Công an huyện Kim Thành không đặt ra việc xử lý đối với anh T và chị S là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết luận phạm tội và phải bồi thường thiệt hại, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm r và s khoản 1 Điều 51, điểm g và h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 27/4/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Đặng Văn T có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Việt C số tiền 1.700.000 đồng.

Buộc bị cáo Đặng Văn T có nghĩa vụ hoàn trả anh Vũ Văn T số tiền 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về các biện pháp tư pháp: Quản lý và lưu trong hồ sơ vụ án 01 Đăng ký mô tô, xe máy biển số: 34K3-2526, mang tên Bùi Khắc T do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 08/7/2002.

5. Về án phí: Bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án sơ thẩm; bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn